

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

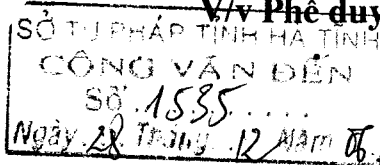
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **73** /2006/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **27** tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ đến năm 2020



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND, UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 10/12/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 31/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình phát triển chợ đến 2010;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Sở Thương mại Du lịch tại Tờ trình số 475/TMDL-TT ngày 16/10/2006 về việc thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; của Sở Xây dựng tại văn bản số 360SXD/QLQH ngày 12/12/2006 về việc báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020.

2. Phạm vi, ranh giới:

Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống chợ địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2020 ứng với diện tích 6.055,7 km²; vị trí giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp tỉnh Nghệ An.
- Phía Nam: Giáp tỉnh Quảng Bình.
- Phía Đông: Giáp biển Đông;
- Phía Tây: Giáp nước CHDCND Lào.

3. Mục tiêu phát triển:

- Phát triển và khai thác có hiệu quả mạng lưới chợ với đa dạng về loại hình và cấp độ chợ, phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng

cao đời sống nhân dân; bảo vệ cảnh quan, môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, văn minh thương nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Sắp xếp lại hệ thống chợ hiện có, nâng cấp một số chợ chính (Chợ loại 1, chợ đầu mối phát luồng, chợ chuyên doanh...). Xây dựng mới một số chợ cần thiết ở khu đô thị mới, vị trí có chiến lược phát triển lâu dài, địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Cải tạo, nâng cấp một số chợ hiện có; xoá bỏ những chợ không phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch ngành và quy hoạch của địa phương... phục vụ nhu cầu bán buôn, bán lẻ, trao đổi hàng hoá, phát triển thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân trong tỉnh, đặc biệt đối với khu vực nông thôn, miền núi.

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư để xây dựng chợ, đảm bảo xây dựng hệ thống chợ đúng quy hoạch, đúng quy mô và hiện đại. Đổi mới về tổ chức và quản lý chợ; đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo đủ điều kiện để quản lý hoạt động kinh doanh các loại chợ; tạo nguồn lâu dài và ổn định nguồn thu cho ngân sách.

4. Định hướng phát triển:

4.1 Khu vực đô thị:

Phát triển chợ bảo đảm theo hướng hiện đại, văn minh, nâng cao chất lượng hàng hoá, sản phẩm; đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu dùng, bán buôn, bán lẻ của nhân dân, của thương nhân và của doanh nghiệp; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, cảnh quan đô thị và vệ sinh môi trường; khắc phục dần tình trạng buôn bán tại chợ tạm, chợ cóc, buôn bán trên vỉa hè, lòng đường, hàng rong... Phát triển chợ đô thị phải gắn liền với quy hoạch phát triển hệ thống các Siêu thị, Trung tâm thương mại, Trung tâm bán buôn, Trung tâm bán lẻ, Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm...

Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp các chợ hiện có, trang bị thêm cơ sở vật chất để khai thác có hiệu quả của các chợ. Xây dựng mới các loại chợ theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị: Chợ đầu mối nông sản, chợ chuyên doanh, chợ phát luồng phù hợp với đặc điểm, tính chất, quy mô của đô thị (Thành phố, Thị xã, thị trấn...).

Đến 2010 cơ bản hoàn thành công tác cải tạo, nâng cấp các chợ trung tâm đối mối phát luồng, các chợ huyện; xoá bỏ hết các chợ không phù hợp, chợ tạm, chợ cóc...

4.2. Định hướng khu vực nông thôn, miền núi:

- Chợ khu vực nông thôn giữ vai trò hết sức quan trọng, góp phần thúc đẩy thị trường nông thôn phát triển. Cùng với sự phát triển của sản xuất và giao lưu hàng hoá, chợ nông thôn cần được củng cố, phát triển cả về tổ chức mạng lưới, quy mô và phương pháp quản lý. Bên cạnh các chợ lớn, buôn bán phát luồng, tại các chợ thị trấn là các chợ nông thôn có quy mô vừa và nhỏ tại các xã, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng ngày và tiêu thụ sản phẩm cho người lao động tại địa phương...

- Khuyến khích phát triển các chợ chuyên doanh, chợ bán buôn các vùng sản xuất tập trung, góp phần tích cực trong việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá cho địa phương

- Ưu tiên xây dựng chợ tại vùng miền núi, ít người. Phối hợp chặt chẽ với các chương trình (135, IFAD...) để xây dựng, nâng cấp chợ tại các trung tâm cụm

xã, xã miền núi tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các xã miền núi trao đổi hàng hoá và phát triển sản xuất, kinh doanh.

4.3 Định hướng chợ biên giới: Xây dựng chợ biên giới gắn liền với khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo. Chợ biên giới là nơi trao đổi, giao lưu hàng hoá của cư dân các nước: Việt Nam, Lào, Thái Lan, là cửa ngõ hành lang kinh tế Đông - Tây; ngoài ra còn phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cán bộ, chiến sỹ làm việc tại khu vực cửa khẩu của cán bộ.

4.4. Định hướng các dự án ưu tiên đầu tư phát triển:

- Ưu tiên cải tạo, nâng cấp, mở rộng những chợ hiện nay quá tải, chợ đã xuống cấp để đảm bảo an toàn cho người, hàng hoá...

- Hoàn chỉnh đầu tư xây dựng (Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới) chợ Thị xã Hà Tĩnh, các Chợ đầu mối phát luồng tại các huyện, thị xã Hồng Lĩnh.

- Xây dựng các chợ vùng nông thôn, miền núi, trung tâm cụm xã, chợ chuyên doanh, chợ làng nghề, chợ sinh vật cảnh; di dời các chợ không phù hợp; vì phạm an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường...

5. Quy hoạch cụ thể:

5.1. Về số lượng chợ: Từ nay đến 2010 và định hướng đến 2020 toàn tỉnh có khoảng 209 chợ, trong đó:

- Phân theo quy mô:

- + Chợ loại 1: 10 chợ;

- + Chợ loại 2: 17 chợ;

- + Chợ loại 3: 182 chợ.

- Phân theo tính chất kinh doanh:

- + Chợ chuyên doanh: 8 chợ;

- + Chợ kinh doanh tổng hợp: 201 chợ.

- Phân theo phạm vi ảnh hưởng:

- + Chợ đầu mối phát luồng: 11 chợ;

- + Chợ trung tâm cụm xã Miền núi: 10 chợ;

- + Chợ xã, phường, thị tứ: 188 chợ.

5.2. Về đầu tư xây dựng:

- Tính chất đầu tư:

- + Số chợ cần đầu tư nâng cấp: 90 chợ;

- + Số chợ đầu tư xây dựng mới: 44 chợ.

- Quy mô: Theo hướng kiên cố, hiện đại.

- Tổng diện tích các chợ: 1.065.900 m²;

- Tổng vốn đầu tư (Phần nâng cấp, xây dựng mới): 183.700 triệu đồng.

(Có danh mục chi tiết các chợ kèm theo)

Điều 2. Sở Thương mại Du lịch làm đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch đã duyệt tại Điều 1. Phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan xây dựng chính sách, giải pháp, kế hoạch huy động vốn, đào tạo nhân lực, phân kỳ đầu tư... để triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo mục tiêu, tiến độ quy định. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã công bố quy hoạch. Lập Quy chế quản lý quy hoạch được duyệt

trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 3. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Thương mại Du lịch, Sở Tài nguyên Môi trường, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan xác định vị trí xây dựng, tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng các chợ trên địa bàn đưa vào quy hoạch, giành quỹ đất để phát triển các chợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Các Sở, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Thương mại Du lịch để tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành;
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch - Đầu tư, Xây dựng, Thương mại Du lịch, Tài nguyên Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Thương mại;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, XD, NL, TM1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Văn Thạch



DANH MỤC CÁC CHỢ ĐẾN 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~73~~ /2006/QĐ-UBND

ngày ~~27~~ tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		Thị xã Hà Tĩnh		78,300	41,030			26,700	
1	Chợ TXHT *	P. Nam Hà	1	33,000	22,700	x		17,000	Nâng cấp
2	Chợ Bắc Hà	P. Bắc Hà	3	2,000	1,330		x	1,000	Nâng cấp
3	Chợ Thạch Hạ	Xã Thạch Hạ	2	2,100	730				
4	Chợ Mướp	Xã Thạch Đồng	3	2,000	900		x	500	Nâng cấp
5	Chợ Thạch Trung	Xã Thạch Trung	3	5,000	1,080		x	700	Nâng cấp
6	Chợ Cầu Phủ	P. Đại Nài	2	4,200	2,700		x	700	Di dời
7	Chợ Hà Huy Tập	P. Hà Huy Tập	3	7,000	3,150	x		1,000	XD mới
8	Chợ Thạch Linh	Xã Thạch Linh	3	8,000	3,000	x		2,000	XD mới
9	Chợ Thạch Quý	Xã Thạch Quý	3	5,000	2,340		x	2,000	XD mới
10	Chợ Thạch Bình	Xã Thạch Bình	3	5,000	800		x	800	XD mới
11	Chợ Trần Phú	P. Trần Phú	3	5,000	2,300		x	1,000	XD mới
II		Thị xã Hồng Lĩnh		43,000	26,100			14,500	
1	Chợ Hồng Lĩnh *	P. Bắc Hồng	1	22,000	18,700		x	12,500	Nâng cấp
2	Chợ Hồng Sơn	Xã Đức Thuận	3	4,000	1,500	x		600	Nâng cấp
3	Chợ Huyện	Xã Trung Lương	3	5,000	3,200				
4	Chợ Hồng Nguyệt	Xã Thuận Lộc	3	4,000	1,000		x	500	XD mới
5	Chợ Trai	Xã Đức Thuận	2	4,000	800		x	400	XD mới
6	Chợ Treo	Xã Đậu Liêu	3	4,000	900		x	500	XD mới
III		Huyện Kỳ Anh		149,400	45,470			29,400	
1	Chợ Trạm Voi	Xã Kỳ Phong	3	6,000	2,960	x		1,500	Nâng cấp
2	Chợ Voi	Xã Kỳ Bắc	2	6,500	3,000				
3	Chợ Chùa	Xã Kỳ Tiến	3	14,000	1,200		x	600	Nâng cấp
4	Chợ Xuân Thắng	Xã Kỳ Xuân	3	3,000	1,000	x		500	Nâng cấp
5	Chợ Trạm	Xã Kỳ Giang	3	4,000	810		x	400	Nâng cấp
6	Chợ Kỳ Đồng	Xã Kỳ Đồng	3	4,000	1,100		x	400	Nâng cấp
7	Chợ Xá	Xã Kỳ Khang	3	2,600	900				
8	Chợ Diêm	Xã Kỳ Khang	3	3,000	900				
9	Chợ Thượng	Xã Kỳ Phú	3	5,000	800		x	500	Nâng cấp
10	Chợ Chảo	Xã Kỳ Thọ	3	4,000	800		x	300	Nâng cấp

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Chợ Kỳ Vãn	Xã Kỳ Vãn	3	4,000	1,000		x	1,000	XD mới
12	Chợ Điểm	Xã Kỳ Thu	3	2,200	600				
13	Chợ Kỳ Hoa	Xã Kỳ Hoa	3	4,000	1,000		x	600	XD mới
14	Chợ Huyện	Thị trấn Kỳ Anh	2	7,600	4,300				
15	Chợ Xếp*	Thị trấn Kỳ Anh	1	10,000	7,100		x	16,100	Di dời
16	Chợ Kỳ Tân	Xã Kỳ Tân	3	4,000	900	x		500	XD mới
17	Chợ Cầu	Xã Kỳ Châu	3	2,500	900				
18	Chợ Kỳ Hải	Xã Kỳ Hải	3	3,000	700		x	700	XD mới
19	Chợ Kỳ Hà	Xã Kỳ Hà	3	3,500	700		x	700	XD mới
20	Chợ Xã	Xã Kỳ Ninh	3	5,000	800	x		300	Nâng cấp
21	Chợ Ngâm	Xã Kỳ Ninh	3	2,500	300		X	400	Nâng cấp
22	Chợ Kỳ Trinh	Xã Kỳ Trinh	3	4,000	900		x	700	XD mới
23	Chợ Cồn	Xã Kỳ Thịnh	3	4,000	1,300		x	300	Nâng cấp
24	Chợ Gia	Xã Kỳ Long	3	1,500	1,000				
25	Chợ Mới	Xã Kỳ Liên	3	4,000	400		X	600	Nâng cấp
26	Chợ Eo	Xã Kỳ Lợi	3	3,500	1,500	x		1,000	Nâng cấp
27	Chợ Kỳ Phương	Xã Kỳ Phương	3	9,800	900		x	300	Nâng cấp
28	Chợ Xếp	Xã Kỳ Nam	3	3,000	2,100	x		1,000	Nâng cấp
29	Chợ Xã	Xã Kỳ Lâm	3	2,500	1,000				
30	Chợ Gia	Xã Kỳ Sơn	3	3,500	800				
31	Chợ Kỳ Thượng	Xã Kỳ Thượng	3	3,200	1,000				
32	Chợ Kỳ Lạc	Xã Kỳ Lạc	3	3,000	1,000				
33	Chợ Kỳ Tây	Xã Kỳ Tây	3	4,000	1,000	x		600	Nâng cấp
34	Chợ Kỳ Hợp	Xã Kỳ Hợp	3	3,000	800		x	400	XD mới
IV		Huyện Cẩm Xuyên		166,400	49,200			25,300	
1	Chợ Hội *	Thị trấn Cẩm Xuyên	1	10,000	8,680		x	11,200	Nâng cấp
2	Chợ Cầu	Xã Cẩm Lộc	2	5,500	1,300				
3	Chợ Cẩm Minh	Xã Cẩm Minh	3	34,800	2,500				
4	Chợ Cẩm Thạch	Xã Cẩm Thạch	3	3,000	800		x	500	Nâng cấp
5	Chợ Mới	Xã Cẩm Huy	3	3,000	1,000				
6	Chợ Cẩm Mỹ	Xã Cẩm Mỹ	3	1,600	1,000	x		500	Nâng cấp
7	Chợ Go	Xã Cẩm Nam	3	2,000	900		x	400	Nâng cấp
8	Chợ Lụi	Xã Cẩm Hà	3	2,000	1,300				
9	Chợ Đình	Xã Cẩm Bình	3	4,500	1,500				
10	Chợ Chùa	Xã Cẩm Thành	3	2,500	2,100	x		1,500	Nâng cấp
11	Chợ Cẩm Duệ	Xã Cẩm Duệ	3	3,500	1,400				
12	Chợ Biển	Xã Cẩm Lạc	3	2,000	1,300		x	400	Nâng cấp

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Chợ Phương	Xã Cẩm Dương	3	10,000	1,000		x	400	Nâng cấp
14	Chợ Đoài	Xã Cẩm Dương	3	10,000	520				
15	Chợ Trường	Xã Cẩm Thăng	3	3,500	900				
16	Chợ Cung	Xã Cẩm Nhượng	3	2,000	800				
17	Chợ Đón	Xã Cẩm Nhượng	3	1,500	1,200	x		2,500	Nâng cấp
18	Chợ Mới	Xã Cẩm Trung	3	2,000	800		x	400	Nâng cấp
19	Chợ Cẩm Trung	Xã Cẩm Trung	3	2,000	1,400				
20	Chợ Cẩm Thịnh	Xã Cẩm Thịnh	3	20,000	2,000				
21	Chợ Cửa	Xã Cẩm Hoà	2	11,000	6,000	x		1,500	Nâng cấp
22	Chợ Lụi	Xã Cẩm Lĩnh	3	3,000	1,500		x	500	Nâng cấp
23	Chợ Gon	Xã Cẩm Phúc	3	2,000	900	x		400	Nâng cấp
24	Chợ Cẩm Vịnh	Xã Cẩm Vịnh	3	5,000	1,000		x	800	XD mới
25	Chợ Cẩm Quang	Xã Cẩm Quang	3	5,000	1,000		x	800	XD mới
26	Chợ Cẩm Yên	Xã Cẩm Yên	3	5,000	1,000		x	700	XD mới
27	Chợ Cẩm Hưng	Xã Cẩm Hưng	2	10,000	5,400	x		2,800	XD mới
V		Huyện Thạch Hà		192,300	50,460			17,800	
1	Chợ Trang	Xã Thạch Kim	3	6,000	3,500	x		1,000	Nâng cấp
2	Chợ Mới	Xã Thạch Bằng	3	2,500	1,400		x	800	Nâng cấp
3	Chợ Phủ	Xã Thạch Châu	2	10,000	3,600	x		2,000	Nâng cấp
4	Chợ Cồn	Xã Thạch Mỹ	3	5,500	1,700				
5	Chợ Phủ	Xã Mai Phụ	3	5,200	1,600	x		700	Nâng cấp
6	Chợ Hòm	Xã Hộ Độ	3	2,000	1,300	x		800	Nâng cấp
7	Chợ Sáng	Xã Thạch Kênh	3	1,500	900				
8	Chợ Gát	Xã Thạch Minh	2	8,000	2,500				
9	Chợ Ba Giang	Xã Thạch Việt	3	1,000	900			500	Nâng cấp
10	Chợ Mương	Xã Thạch Thanh	3	7,800	1,500				
11	Chợ Rú	Xã Thạch Sơn	3	2,100	1,600				
12	Chợ Trền	Xã Thạch Long	3	3,700	2,300				
13	Chợ Cây Săng	Thị trấn Cây	3	3,500	600		x	800	Nâng cấp
14	Chợ Cây *	Thị trấn Cây	1	15,000	5,250				
15	Chợ Đón	Xã Thạch Diên	3	29,400	1,500				
16	Chợ Hương Bộc	Xã Thạch Hương	3	6,800	1,200	x		900	Nâng cấp
17	Chợ Nông Trường	Xã Ngọc Sơn	3	7,600	600		x	900	Nâng cấp
18	Chợ Mới	Xã Thạch Vịnh	3	3,000	1,600				
19	Chợ Thạch Lưu	Xã Thạch Lưu	3	4,000	1,500				
20	Chợ Trổ	Xã Thạch Đài	3	5,800	1,600		x	1,000	Nâng cấp
21	Chợ Đón	Xã Thạch Đình	3	4,000	1,400		x	800	Nâng cấp

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	Chợ Biển	Xã Thạch Hải	3	2,000	800		x	800	Nâng cấp
23	Chợ Mới	Xã Thạch Khê	2	12,000	2,700	x		2,000	Nâng cấp
24	Chợ Chùa Sò	Xã Thạch Lạc	3	1,600	1,100				
25	Chợ Đạo	Xã Thạch Trị	3	3,000	1,000	x		1,000	Nâng cấp
26	Chợ Đạo	Xã Thạch Văn	3	10,800	1,530				
27	Chợ Động	Xã Thạch Hội	3	9,500	800				
28	Chợ Thạch Thắng	Xã Thạch Thắng	3	6,500	900				
29	Chợ Bia	Xã Thạch Xuân	3	4,000	1,000	x		1,000	Nâng cấp
30	Chợ Sáng	Xã Thạch Liên	3	1,500	400		x	600	Nâng cấp
31	Chợ Thạch Tân	Xã Thạch Tân	3	3,000	1,000	x		1,000	XD mới
32	Chợ Thạch Ngọc	Xã Thạch Ngọc	3	4,000	1,180		x	1,200	XD mới
33	Chợ Thạch Vĩnh	Xã Thạch Vĩnh	3	3,000			x	800	XD mới
34	Chợ Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn	3	3,000		x		800	XD mới
35	Chợ Thạch Lâm	Xã Thạch Lâm	3	3,000			x	800	XD mới
36	Chợ Tượng Sơn	Xã Tượng Sơn	3	3,000			x	800	XD mới
37	Chợ Thạch Hải	Xã Thạch Hải	3	3,000			x	800	XD mới
VI		Huyện Can Lộc	68	153,500	41,650			5,000	
1	Chợ Tổng	Xã Song Lộc	3	3,600	1,000				
2	Chợ Huyện Đồn	Xã Đồng Lộc	3	5,400	1,400				
3	Chợ Cầu Trù	Xã Phù Lưu	3	8,000	1,900	x		400	Nâng cấp
4	Chợ Nhe	Xã Vĩnh Lộc	2	13,000	4,500				
5	Chợ Lù	Xã Tùng Lộc	3	5,800	1,600		x	300	Nâng cấp
6	Chợ Quán trại	Xã Thương Nga	3	4,000	1,600	x		300	Nâng cấp
7	Chợ Huyện	Xã Bình Lộc	2	8,000	2,500				
8	Chợ Trường Vun	Xã Thịnh Lộc	3	4,000	1,000				
9	Chợ Khoan	Xã Trường Lộc	3	2,600	750				
10	Chợ Cường	Xã Sơn Lộc	3	6,800	1,900				
11	Chợ Lù	Xã Hồng Lộc	3	5,000	1,200		x	400	Nâng cấp
12	Chợ Eo	xã ích Hậu	3	6,000	2,400		x	300	Nâng cấp
13	Chợ Đò	Xã Thuận Thiên	3	5,000	1,400				
14	Chợ Phù Minh	Xã Thiên Lộc	3	2,000	600				
15	Chợ Đình	Xã Trung Lộc	3	6,000	1,100	x		300	Nâng cấp
16	Chợ Lối	Xã Quang Lộc	3	7,000	1,000				
17	Chợ Đại Thành	Xã Gia Hanh	3	6,000	1,900		x	300	Nâng cấp
18	Chợ Vi	Xã Kim Lộc	3	5,000	1,200		x	300	Nâng cấp
19	Chợ Nghèn *	Thị trấn Nghèn	1	18,000	5,680				
20	Chợ Tân Thanh	Xã Thanh Lộc	3	5,000	900	x		300	Nâng cấp

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Chợ Mới	Xã Xuân Lộc	3	6,000	1,000		x	300	Nâng cấp
22	Chợ Đình	Xã Tân Lộc	3	6,000	1,200		x	300	Nâng cấp
23	Chợ Thương Lộc	Xã Thương Lộc	3	8,300	2,340	x		700	XD mới
24	Chợ Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	3	7,000	1,580		x	800	XD mới
VII		Huyện Đức Thọ		58,800	17,360			11,900	
1	Chợ Đàng	Xã Đức Đồng	3	6,000	1,620		x	400	Nâng cấp
2	Chợ Nướ	Xã Đức Lạc	3	6,000	1,760				
3	Chợ Bàu	Xã Đức Long	3	1,000	1,080	x		400	Nâng cấp
4	Chợ Đôn	Xã Tùng ảnh	3	8,000	1,500	x		800	Nâng cấp
5	Chợ Giấy	Xã Đức Dũng	3	2,900	1,000				
6	Chợ Thái Yên	Xã Thái Yên	3	3,400	1,000				
7	Chợ Thương	Xã Trường Sơn	3	6,000	900		x	400	Nâng cấp
8	Chợ Hòm *	Thị trấn Đức Thọ	1	17,000	6,600	x		9,000	Nâng cấp
9	Chợ Chay	Xã Đức An	3	5,000	900		x	300	Nâng cấp
10	Chợ Trổ	Xã Đức Nhân	3	3,500	1,000	x		600	Nâng cấp
11	Chợ Đức Hoà	Xã Đức Hoà	3	2,500	800		x	600	XD mới
12	Chợ Trung Lễ	Xã Trung Lễ	3	2,500	750	x		550	Di dời
13	Chợ Trường Sơn	Xã Trường Sơn	3	3,000	1,000		x	1,000	XD mới
VIII		Huyện Nghi Xuân		61,300	29,800			15,000	
1	Chợ Hội	Xã Xuân Hội	3	2,000	600				
2	Chợ Xuân Trường	Xã Xuân Trường	3	1,000	800	x		600	Nâng cấp
3	Chợ Bơ	Xã Xuân Đan	3	4,000	900				
4	Chợ Xuân Phổ	Xã Xuân Phổ	3	2,000	1,200		x	1,000	XD mới
5	Chợ Hòm	Xã Xuân Hải	3	4,000	1,100				
6	Chợ Xuân Yên	Xã Xuân Yên	3	2,000	1,600		x	1,500	XD mới
7	Chợ Xuân Thành	Xã Xuân Thành	3	5,000	1,150				
8	Chợ Xuân Mỹ	Xã Xuân Mỹ	3	1,000	800		x	700	XD mới
9	Chợ Cổ Đạm	Xã Cổ Đạm	3	6,000	1,100				
10	Chợ Xuân Liên	Xã Xuân Liên	3	2,000	1,600	x		1,000	Nâng cấp
11	Chợ Cương Gián	Xã Cương Gián	2	8,000	5,340	x		3,000	Nâng cấp
12	Chợ Xuân Viên	Xã Xuân Viên	3	2,000	1,000				
13	Chợ Xuân Lĩnh	Xã Xuân Lĩnh	3	1,000	600		x	700	XD mới
14	Chợ Giang Đình	Thị Trấn Nghi Xuân	1	10,000	5,410				
15	Chợ Xuân An *	Thị trấn Xuân An	2	8,000	5,000		x	5,000	Nâng cấp
16	Chợ Củi	Xã Xuân Hồng	3	3,000	1,600	x		1,500	Nâng cấp
IX		Huyện Hương Khê		90,700	23,800		x	17,000	
1	Chợ Sơn *	Thị trấn Hương Khê	1	23,000	5,000			14,000	Nâng cấp

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Chợ Nổ	Xã Hoà Hải	3	3,000	1,200				
3	Chợ Phúc Trạch	Xã Phúc Trạch	2	3,000	1,200				
4	Chợ Gia	Xã Phú Gia	3	4,000	1,200				
5	Chợ Hào	Xã Hương Bình	3	3,000	1,200				
6	Chợ Sông	Xã Hương Thuỷ	3	3,000	1,300				
7	Chợ NT20/4	Xã Hương Trà	3	5,000	600	x		300	Nâng cấp
8	Chợ Trúc	Xã Hà Linh	3	8,000	1,500	x		300	Nâng cấp
9	Chợ Vang	Xã Phương Điền	3	7,500	700		x	400	Nâng cấp
10	Chợ Hòm	Xã Phương Mỹ	3	4,000	500		x	300	Nâng cấp
11	Chợ Đón	Xã Hương Long	3	8,500	700		x	400	Nâng cấp
12	Chợ Lâm trường	Lâm trường Chúc A	3	4,000	800		x	400	Nâng cấp
13	Chợ Phúc Đồng	Xã Phúc Đồng	3	8,000	1,200		x	500	Nâng cấp
14	Chợ La Kê	Xã Hương Trạch	3	6,700	6,700		x	400	Nâng cấp
X		Huyện Hương Sơn		90,200	37,030			11,400	
1	Chợ Phố Châu *	Thị trấn Phố Châu	1	12,000	4,900				
2	Chợ Gôi	Xã Sơn Hoà	3	3,000	1,800				
3	Chợ Choi	Xã Sơn Hà	3	5,200	1,710				
4	Chợ Nén rập	Xã Sơn Trung	3	5,000	2,140				
5	Chợ Trung tâm	Thị trấn Tây Sơn	2	18,000	10,800				
6	Chợ Hà Tân	Xã Sơn Tây	3	5,000	1,000		x	400	Nâng cấp
7	Chợ Đình	Xã Sơn Thuỷ	3	6,000	1,680		x	300	Nâng cấp
8	Chợ Mới	Xã Sơn Long	3	8,000	2,300		x	300	Nâng cấp
9	Chợ Chùa	Xã Sơn Tiến	3	6,000	1,600				
10	Chợ Sông Con	Xã Sơn Diệm	3	8,000	2,300	x		300	Nâng cấp
11	Chợ biên giới	Xã Sơn Kim	3	6,000	4,500		x	2,600	Nâng cấp
12	Chợ Nấm	Xã Sơn Châu	3	8,000	2,300		x	300	Nâng cấp
13	Chợ Nước Sốt	Nước Sốt	3	5,000			x	800	XD mới
14	Chợ Sơn Tây	Sơn Tây	3	5,000			x	800	XD mới
15	Chợ Sơn Trường	Xã Sơn Lĩnh	3	5,000			x	800	XD mới
16	Chợ Sơn Giang	Xã Sơn Giang	3	5,000			x	800	XD mới
17	Chợ Sơn Lễ	Xã Sơn Lễ	3	5,000			x	800	XD mới
18	Chợ Sơn Ninh	Xã Sơn Ninh	3	5,000			x	800	XD mới
19	Chợ Sơn Long	Xã Sơn Long	3	5,000			x	800	XD mới
20	Chợ Sơn Trường	Xã Sơn Trường	3	5,000			x	800	XD mới
21	Chợ Sơn Mỹ	Xã Sơn Mỹ	3	5,000			x	800	XD mới
XI		Huyện Vũ Quang		38,500	10,260			9,700	
1	Chợ Phùng	Xã Đức Hương	3	6,000	1,120		x	300	Nâng cấp

STT	Tên chợ	Địa điểm	Quy hoạch đến 2020						Ghi chú
			Phân loại	Diện tích chợ		Thời điểm		Tổng vốn đầu tư XD (tr.đ)	
				Tổng DT đất (m2)	Diện tích XD (m2)	Đến 2010	Đến 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Chợ Bộng	Xã Đức Bồng	2	6,000	1,040				
3	Chợ Quánh	Xã Hương Thọ	3	3,000	700				
4	Chợ Hương Quang	Xã Hương Quang	3	2,500	500				
5	Chợ Sơn Thọ	Xã Sơn Thọ	3	3,000	900		x	400	Nâng cấp
6	Chợ Thị Trấn *	Thị trấn Vũ Quang	2	8,000	2,800 *		x	9,000	Nâng cấp

Ghi chú: - * chợ đầu mối nông sản

- Tổng vốn đầu tư xây dựng: 183700 triệu đồng

Trong đó: + Đầu tư xây dựng mới 44 chợ: 45000 triệu đồng

+ Nâng cấp 90 chợ: 138700 triệu đồng